TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
--------*---------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2026/DS-ST
Ngày: 30/3/2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thúy An**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Dương.

2. Ông Nguyễn Văn Trương .

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trịnh Hồ Hải Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 73/2026/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Phạm Ngọc H**, sinh năm 1969 (có mặt).

Căn cước công dân số: 082169010071.

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: **Trương Hoàng D**, sinh năm 1990 (có mặt).

Căn cước công dân số: 082090021784.

Địa chỉ: ấp A, xã G, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Ngọc H cùng trình bày: Qua mối quan hệ quên biết, vào ngày 10/01/2025, chị có cho anh D vay 20.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận là 03%/tháng, không thoả thuận thời hạn trả vốn nhưng có thoả thuận khi nào chị yêu cầu thì phải trả vốn cho chị và hai bên có làm "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ", anh D có ký tên và viết họ tên vào giấy này. Sau khi vay, anh D chỉ trả cho chị được 02 tháng tiền lãi (tháng 02 và tháng 03/2025) thì ngưng luôn cho đến nay. Chị đã nhiều lần yêu cầu anh D trả tiền lãi và tiền vốn cho chị nhưng anh D nhiều lần hứa hẹn và cố tình trốn tránh, không trả tiền cho chị.

Nay chị yêu cầu anh D trả lại chị số tiền vốn 20.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/4/2025 đến ngày 10/3/2026, với mức lãi suất là 1,66%/tháng, trả

khi án có hiệu lực pháp luật.

- Theo Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trương Hoàng D trình bày: Vào ngày 10/01/2025, anh có vay của chị H 20.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận là 3%/tháng, anh trả được 05 tháng tiền lãi, thì đến ngày 12/8/2025 thì anh đã trả số tiền vốn 20.000.000 đồng cho chị H. Những lần trả lãi và lần trả vốn 20.000.000 đồng cho chị H, anh không có làm biên nhận gì. Đối với "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ" ngày 10/01/2025, anh có ký tên và viết họ tên vào biên nhận này nhưng chị H đã bỏ biên nhận này và viết lại biên nhận khác chỉ viết tên anh (không viết tên vợ anh vào biên nhận).

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, anh không đồng ý, vì anh đã trả số tiền vay 20.000.000 đồng cho chị H nên anh không còn nợ tiền chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa chị H và anh D là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện, tại phiên tòa, chị H yêu cầu anh D có nghĩa vụ trả lại chị số tiền 20.000.000 đồng theo "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ" ngày 10/01/2025, khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, tại phiên tòa, anh D thừa nhận vào ngày 10/01/2025 có vay của chị H số tiền 20.000.000 đồng và anh có ký tên và viết họ tên vào "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ" ngày 10/01/2025 nhưng đến ngày 12/8/2025, anh đã trả số tiền 20.000.000 đồng cho chị H nên nay chị H yêu cầu anh trả lại số tiền này, anh không đồng ý. Tuy nhiên, anh D thừa nhận khi trả tiền cho chị H, anh không làm biên nhận gì và tại phiên toà, anh cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì chứng minh đã trả tiền cho chị H. Do anh D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị H. Vì vậy, yêu cầu của chị H là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh D có nghĩa vụ trả lại chị H số tiền 20.000.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về yêu cầu trả lãi, chị H yêu cầu anh D trả tiền lãi đối với số tiền 20.000.000 đồng, với mức lãi suất là 1,66%/tháng, từ ngày 10/4/2025 đến ngày 10/3/2026 là 11 tháng, thành tiền là 3.652.000 đồng. Tại phiên toà, chị H và anh D đều xác định đây là hợp đồng vay có lãi và như đã nhận định trên, anh D cho rằng đã trả tiền vốn và tiền lãi cho chị H nhưng anh D không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho điều này. Do đó, yêu cầu của chị H là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh D có nghĩa vụ trả lại chị H số tiền lãi là 3.652.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do anh D có nghĩa vụ trả nợ nên anh D phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Ngọc H.**

- Buộc anh Trương Hoàng D có nghĩa vụ trả lại chị Phạm Ngọc H số tiền là 23.652.000 *(Hai mươi ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn)* đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh D chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng anh D phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh D phải chịu 1.182.600 đồng án phí.

+ H1 lại chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 594.000 đồng theo biên lai số 0000652 ngày 13/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp để xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND KV2 - ĐT;
- THADS tỉnh ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy An